

KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP (*)

TS. Nguyễn Công Nhự
Trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân

Sau công cuộc cải tạo XHCN công thương nghiệp tư bản tư doanh cho đến đầu thập kỷ 80, khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế nước ta mới chỉ có kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế gia đình. Trong giai đoạn này kinh tế tư nhân bị coi là "kẻ thù" của CNXH.

Từ khi thực hiện chính sách đổi mới, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển. Đặc biệt từ khi Nhà nước ban hành Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và gần đây là Luật Doanh nghiệp.

Trước một vấn đề bức xúc của nền kinh tế, bài viết này nhằm mục đích đánh giá thực trạng khu vực kinh tế tư nhân phi nông nghiệp những năm vừa qua ở Việt Nam, qua đó đề xuất một số giải pháp tiếp tục tạo đà cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

1. Đánh giá thực trạng khu vực kinh tế tư nhân phi nông nghiệp những năm vừa qua

a. Những kết quả đã đạt được

- Số hộ kinh doanh cá thể hoạt động từ 1.498.611 hộ năm 1992 lên 2.016.259 hộ năm 1996, tốc độ tăng bình quân 7,68%/năm, mỗi năm tăng 129.412 hộ. Từ năm 1996 đến năm 2000, số lượng hộ kinh doanh cá thể hoạt động tăng chậm, từ 2.016.259 hộ năm 1996, lên 2.137.731 hộ năm 2000, tăng bình quân 1,47%/năm, mỗi năm tăng 30.364 hộ.

Trong cơ cấu ngành nghề thời điểm

31/12/2000, các hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 51,9% (1.109.293 hộ) tiếp đến là các hộ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng 30,2% (645.801 hộ).

- Tính chung cho cả thời kỳ 1991-2000, số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng bình quân là 96,19%/năm, từ 132 doanh nghiệp năm 1991 đến hết năm 1996 đã có 30.897. Các năm từ 1997 đến 1999, số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giảm. Từ năm 2000 đến nay, khi Luật Doanh nghiệp được thực hiện, số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng rất nhanh: tính từ năm 2000 đến hết 9 tháng đầu năm 2001, số doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh là 24.384 doanh nghiệp, nhiều hơn cả số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh 5 năm trước đó cộng lại (22.747 doanh nghiệp). Về cơ cấu các loại hình doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh trong tổng số 66.777 doanh nghiệp (30/9/2001): số lượng doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất 58,76% (39.239 doanh nghiệp), công ty TNHH chiếm 38,68% (25.835 doanh nghiệp), công ty cổ phần chiếm 2,55% (1.700 doanh nghiệp), công ty hợp doanh chỉ chiếm 0,004% (3 doanh nghiệp).

- Tính đến 31/12/2000, cả nước có 56.831 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, nhưng số doanh nghiệp thực tế hoạt động là 29.548 doanh nghiệp (51,99%), còn lại là các doanh nghiệp chưa hoạt động 9.581 doanh nghiệp

(16,85%), số doanh nghiệp giải thể, chuyển sang loại hình khác là 13.887 doanh nghiệp (24,43%), số doanh nghiệp chưa tìm thấy là 3.815 doanh nghiệp (6,71%). Số lượng các doanh nghiệp thực tế hoạt động tập trung cao ở ngành thương mại, dịch vụ: 17.535 doanh nghiệp (59,34%); tiếp đến là công nghiệp: 6.979 doanh nghiệp (23,61%); còn lại là các ngành khác: 5.034 doanh nghiệp (17,03%).

- Tổng sản phẩm trong nước của khu vực kinh tế tư nhân tăng trưởng liên tục trong những năm gần đây. Năm 1996, GDP khu vực kinh tế tư nhân đạt 68.518 tỷ đồng, đến năm 2000 lên 86.926 tỷ đồng, tăng bình quân 6,12%/năm. Trong đó GDP của hộ kinh doanh cá thể từ 52,169 tỷ đồng năm 1996, lên 66.142 tỷ đồng năm 2000, tăng bình quân 6,11%/năm; của doanh nghiệp từ 16.349 tỷ đồng lên 20.787 tỷ đồng, tăng bình quân 6,18%/năm. Tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế tư nhân nói chung xấp xỉ tốc độ tăng GDP toàn quốc.

- Vốn đầu tư phát triển của hộ kinh doanh cá thể năm 2000 là 29.267 tỷ đồng, tăng 12,93% so với năm 1999. Vốn đầu tư của hộ kinh doanh cá thể năm 2000 chiếm 81,53% trong tổng số vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân và chiếm 19,82% trong vốn đầu tư toàn xã hội.

Tổng vốn dùng vào sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể là 63.366,8 tỷ đồng, chiếm 36,61% trong tổng số vốn dùng vào sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân.

- Tổng vốn đăng ký của các loại hình doanh nghiệp của tư nhân từ năm 1991 đến hết tháng 9 năm 2001 đạt 50.795 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp tư nhân 11.470 tỷ, chiếm 22,58%; công ty TNHH 29.064 tỷ đồng, chiếm 57,21%; công ty cổ

phần 10.260 tỷ đồng, chiếm 20,20%.

Năm 2000, tổng vốn thực tế sử dụng của doanh nghiệp là 110.071,8 tỷ đồng, tăng 38,46% so với năm 1999; trong đó của công ty TNHH tăng 40,07%, doanh nghiệp tư nhân tăng 37,64%, công ty cổ phần tăng 36,79%.

Từ năm 1999 đến năm 2000, tổng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp tăng từ 5.628 tỷ đồng lên 6.627 tỷ đồng, tăng 17,75%; chiếm tỷ trọng trong khu vực kinh tế tư nhân từ 17,84% tăng lên 18,46%, chiếm tỷ trọng trong vốn đầu tư toàn xã hội từ 4,29% tăng lên 4,48%.

Tính từ năm 1996 đến nay, số lao động làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân giảm vào năm 1997, còn lại đều tăng. So sánh với tổng lao động toàn xã hội thì khu vực này chiếm tỷ lệ khoảng 11% qua các năm, riêng năm 2000 là 12%.

Năm 2000, số lượng lao động làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân là 4.643.844 người, so với năm 1996 tăng 778.681 người (tăng 20,14%). Từ năm 1996 đến năm 2000, tốc độ tăng lao động ở doanh nghiệp bình quân 24,15%/năm, trong khi đó ở hộ kinh doanh cá thể chỉ tăng bình quân 2,01%/năm; số lao động làm việc trong doanh nghiệp tăng thêm 487.459 người (tăng 137,57%), trong khi các hộ kinh doanh cá thể tăng thêm được 291.222 người (tăng 8,29%).

Trong khu vực kinh tế tư nhân, lao động trong công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất: 2.121.228 người, chiếm 45,67%; lao động trong ngành thương mại, dịch vụ: 1.735.824 người, chiếm tỷ trọng 37,37%; lao động các ngành khác: 786.792 người, chiếm 16,94%.

b. Những khó khăn, hạn chế trong sản xuất, kinh doanh

* *Khó khăn về vốn*

Các hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp của tư nhân nói chung có nhiều khó khăn về vốn hoạt động phải vay ở thị trường không chính thức với lãi suất cao và thời hạn ngắn, rất khó tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại, nhất là nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Qua báo cáo của Ngân hàng Nhà nước số 1227/NHNN - CSTT cho thấy doanh số cho vay của các ngân hàng thương mại đối với khu vực kinh tế tư nhân (phi nông nghiệp) mới chiếm 15,7% trên tổng số cho vay của các ngân hàng (năm 2000); 24,3% (6 tháng đầu năm 2001). Tổng dư nợ của khu vực kinh tế tư nhân (phi nông nghiệp) chiếm 23,9% tổng dư nợ chung của ngân hàng (năm 2000), 22,6% (6 tháng đầu năm 2001).

** Khó khăn về đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh*

Hầu hết các doanh nghiệp của tư nhân hiện nay bị thiếu mặt bằng kinh doanh phải đi thuê đất, mặt bằng sản xuất, kinh doanh với giá cao hơn rất nhiều so với giá thuê của Nhà nước quy định, không dám đầu tư lâu dài vào nhà xưởng, máy móc thiết bị vì lo phải trả lại bất cứ lúc nào; không được hưởng ưu đãi giảm tiền thuê đất đối với doanh nghiệp mới xây dựng, với ngành nghề mà Nhà nước có định hướng ưu đãi.

** Khó khăn về môi trường pháp lý, môi trường tâm lý xã hội*

Trở ngại lớn đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân hiện nay là môi trường pháp lý chưa đồng bộ dẫn đến tình trạng các cơ quan thừa hành và các doanh nghiệp lúng túng trong việc chấp hành pháp luật, gây khó khăn cho việc đăng ký và hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân.

c. Nguyên nhân của các kết quả đạt được và của những khó khăn, hạn chế

** Nguyên nhân của những kết quả đạt được*

- Đảng đã không ngừng đổi mới, có chủ trương, chính sách đúng đắn đối với các thành phần kinh tế, khẳng định rõ vai trò quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước đã tích cực tiến hành có kết quả việc thể chế hóa và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng. Khung pháp lý không ngừng được hoàn thiện, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn, nhận thức xã hội đối với khu vực kinh tế tư nhân có nhiều chuyển biến tích cực.

- Nhân dân tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã yên tâm, hăng hái hơn trong đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

** Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém*

- Chưa xây dựng được chiến lược, quy hoạch phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Công tác dự báo, hướng dẫn đối với khu vực kinh tế tư nhân còn rất yếu.

- Các cơ chế, chính sách còn chưa đồng bộ và nhất quán. Nhiều quy định còn chưa phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

- Hệ thống bộ máy quản lý của Nhà nước ở cả Trung ương và địa phương lâu nay chưa sâu sát với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, còn thiên nhiều về quản lý hơn là tạo điều kiện; cải cách hành chính còn chậm; chưa có cơ chế xử lý trách nhiệm đối với những cán bộ cố ý gây khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Bản thân các cơ sở sản xuất, kinh

doanh khu vực kinh tế tư nhân cũng còn mặc cảm và còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý và hiểu biết pháp luật.

2. Một số giải pháp tiếp tục tạo đà cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển

a. Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, môi trường tâm lý xã hội

- Tiếp tục tạo thuận lợi, thông thoáng hơn nữa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh về cả các quy định pháp luật và môi trường tâm lý xã hội, từ khâu đăng ký kinh doanh cũng như trong suốt quá trình hoạt động, đến xử lý giải thể, phá sản.

- Đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong các quy định pháp luật cũng như trong thực thi pháp luật của cơ quan nhà nước và cán bộ thừa hành. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển đan xen với các thành phần kinh tế khác.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước, đảm bảo sự phân công phân cấp rõ ràng cụ thể trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân.

b. Bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách tín dụng, đầu tư để:

- Tạo điều kiện phát huy nội lực của khu vực kinh tế tư nhân làm cho tài sản, quyền sử dụng đất của họ được thế chấp thuận lợi trong vay vốn ở các tổ chức tín dụng, Quý hỗ trợ phát triển.

- Mở rộng cửa cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận kênh vay vốn đầu tư với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tín dụng hỗ trợ xuất khẩu hoặc nhận bảo lãnh tín dụng đầu tư từ nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước.

c. Chính sách tạo mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh

- Nhà nước cần đẩy nhanh quá trình cấp quyền sử dụng đất. Đơn giản hóa các thủ tục cấp đất cho doanh nghiệp, giảm thiểu ảnh hưởng để lỡ cơ hội kinh doanh.

- Xây dựng các trung tâm đầu mối giao dịch thương mại, nhà văn phòng cho thuê; tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh tư nhân, doanh nghiệp tư nhân có địa điểm kinh doanh ổn định, có văn phòng làm việc, giao dịch văn minh.

d. Chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

- Giảm các quy định và thủ tục rườm rà, phức tạp trong hợp đồng chuyển giao công nghệ để thu hút các nhà đầu tư tư nhân vào việc chuyển giao công nghệ.

- Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân được vay ngoại tệ để nhập máy móc, thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến.

- Nhà nước cần có biện pháp giúp đỡ các doanh nghiệp của tư nhân cả về chuyên môn và năng lực tài chính trong hoạt động liên quan đến sở hữu công nghiệp.

e. Chính sách thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chính sách thuế theo nguyên tắc công bằng và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính về thuế, theo hướng đơn giản, rõ ràng và dễ thực hiện đối với khu vực kinh tế tư nhân.

- Sớm nghiêm cứu ban hành quy định của Nhà nước về cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp của tư nhân.

- Sớm ban hành Luật Kế toán, thống kê phù hợp hơn với đặc điểm của kinh tế thị trường và trình độ của các doanh nghiệp của tư nhân, đảm bảo để Nhà nước nắm

được những số liệu cơ bản, đồng thời không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Xây dựng và mở rộng hoạt động dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của tư nhân sử dụng được dịch vụ này, nhằm làm giảm chi phí cho công tác kế toán, thống kê.

g. Chính sách đào tạo, tiền lương, bảo hiểm xã hội

- Xây dựng chiến lược và chương trình phát triển đào tạo nghề đến 2005 và 2010. Trong đó cần chú trọng đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề và công nhân kỹ thuật trình độ cao cho khu vực kinh tế tư nhân.

- Phát triển mạnh các trung tâm dịch vụ việc làm, xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, kết hợp đào tạo nghề gắn với việc làm để tư vấn, giới thiệu và cung ứng lao động cho các cơ sở kinh tế tư nhân.

- Các chế độ phụ cấp tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong các doanh nghiệp của tư nhân phải được ghi

trong thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

- Một số quy định về chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động cần được sửa đổi phù hợp với trình độ phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

- Nghiên cứu ban hành chính sách bảo hiểm thất nghiệp, để trợ giúp người lao động khi bị mất việc làm.

() Phạm vi khu vực KTTN và số liệu sử dụng trong bài viết này được lấy từ tài liệu của cuộc điều tra khu vực KTTN do Tổng cục Thống kê thực hiện tháng 4/2001: Về lĩnh vực SXKD - KTTN được thu thập số liệu gồm các cơ sở của tư nhân tham gia vào các hoạt động SXKD phi nông nghiệp; về mô hình tổ chức - KTTN gồm các hộ kinh doanh cá thể và các doanh nghiệp của tư nhân (doanh nghiệp của tư nhân bao hàm: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp doanh).*